

BÀN THÊM VỀ CẤU TRÚC ĐỀ - THUYẾT CỦA CÂU TIẾNG VIỆT

TRẦN KIM PHƯƠNG

(TS, Đại học Sư phạm Hà Nội)

1. Đặt vấn đề

Một câu tiếng Việt hiện nay có thể được phân tích theo bốn phương pháp:

(1) theo cấu trúc chủ - vị (ngữ pháp truyền thống),

(2) theo cấu trúc vị từ - tham thể (ngữ pháp ngữ nghĩa),

(3) theo cấu trúc đề - thuyết (ngữ pháp chức năng), và

(4) theo cấu trúc cái cho sẵn-cái mới (cấu trúc thông tin).

Trong các phương pháp này thì *phân tích câu theo cấu trúc đề-thuyết* là phương pháp ra đời tương đối muộn, bề dày lí thuyết chưa nhiều. Phương pháp này có được giảng dạy ở bậc đại học nhưng với số tiết khiêm tốn, do vậy, sinh viên thường lúng túng khi phải thực hiện nó. Đây cũng là một trong những phương pháp phân tích câu đã từng gây rất nhiều tranh luận, làm tổn không ít giấy mực của các nhà nghiên cứu. Ở Việt Nam, những nhà ngôn ngữ học quan tâm nhiều đến vấn đề này Cao Xuân Hạo (1991) và Đào Thanh Lan (2002).

Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi chỉ bàn tới các vấn đề:

- Các bước tiến hành phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết

- Những ưu, nhược điểm của phương pháp phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết

- So sánh cấu trúc đề - thuyết với cấu trúc chủ - vị.

2. Nội dung chính

1. Các bước tiến hành phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết

Thành phần nòng cốt trong cấu trúc đề - thuyết chính là đề và thuyết. Những khái niệm chung được chúng tôi tổng hợp dựa trên quan điểm của Cao Xuân Hạo và Đào Thanh Lan.

Phần đề: chỉ ra cái được nói đến trong câu. Cái được nói đến thường là cái đã biết trong quá trình diễn ra hoạt động giao tiếp giữa hai người. Nó là cơ sở, là điểm xuất phát cho hoạt động thông báo ở trong câu.

Phần thuyết: chứa đựng nội dung nói về phần đề. Do đó nó thường là phần mang thông tin mới, là trọng tâm thông báo của câu. Cũng vì thế, một câu không thể không có phần thuyết, trong khi có thể không có phần đề.

Bên cạnh hai thành phần nòng cốt này là các thành phần phụ: **khung đề** và **minh xác ngữ**.

Khung đề: là thành phần biểu thị ý nghĩa về thời gian, cảnh huống. Khung đề luôn đứng trước chủ đề của câu và nêu ra phạm vi mà sự nhận định ở phần thuyết có hiệu lực. Khung đề có tác dụng mở rộng và cụ thể hoá tính hiệu lực của phát ngôn, do đó làm tăng hiệu quả giao tiếp cho câu. Khung đề khác với chủ đề ở chỗ nó không góp phần làm nên bậc trong cấu trúc đề thuyết của câu.

VD: Buổi sáng, sương đã tan.

KĐ Đ T

Minh xác ngữ là thành phần phụ đứng trước nòng cốt câu để minh xác cho danh từ làm đề ngữ trong nòng cốt câu về hành động, trạng thái, đặc trưng chính được nêu ở phần thuyết. Minh xác ngữ tương đương với thành phần vị ngữ phụ (tiền vị ngữ) trong cấu trúc chủ vị.

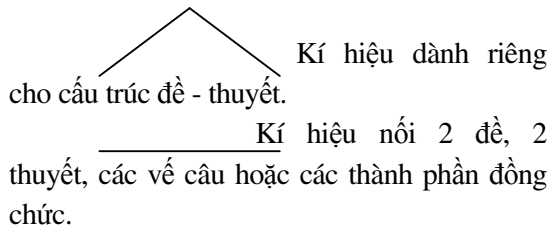
VD: Không đợi anh trả lời, cô cất giọng hát.

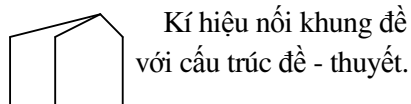
MXN Đ T

Việc xác định phần đề, phần thuyết dựa trên năm tiêu chí sau đây: tiêu chí về phương tiện, tiêu chí về ý nghĩa chức năng, tiêu chí về vị trí, tiêu chí về từ loại, tiêu chí về khả năng lược bỏ.

Trong số 5 tiêu chí trên thì *tiêu chí về phương tiện* là dấu hiệu rõ ràng nhất giúp chúng ta xác định ranh giới giữa phần đề và phần thuyết. Ba chỉ tổ đánh dấu sự phân chia đề - thuyết là các hư từ **THÌ, LÀ, MÀ**.

Quy ước về sơ đồ cấu tạo câu:





Các bước tiến hành phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết như sau:

Bước 1: Xác định ranh giới giữa đề và thuyết chính của câu. Cách xác định ranh giới là dựa vào năm tiêu chí trên. Ví dụ:

Phân tích câu: *Mày học chăm thể mà thi trượt thì vô lí.*

Trong câu có hai tác tử phân giới đề và thuyết là *thì* và *mà*. Theo quy tắc, *thì* sẽ là ranh giới phân chia phần đề, thuyết ở bậc lớn nhất của câu.

Mày học chăm thể mà thi trượt // *thì vô lí.*

Đ T

Bước 2: Sau khi xác định được ranh giới đề - thuyết ở bậc lớn nhất, chúng ta lại tiếp tục

xác định các bậc nhỏ hơn. Việc xác định các bậc nhỏ hơn này lại được thực hiện theo năm tiêu chí trên. Cụ thể, trong ví dụ đang xét, từ “*mà*” sẽ là ranh giới phân chia đề - thuyết nhỏ.

Mày học chăm thể / *mà thi trượt* // *thì vô lí.*

đ2 t2

Trong đề 2, còn một bậc đề - thuyết nhỏ nữa. Ta tiếp tục xác định ranh giới giữa chúng. Có thể dựa vào tiêu chí từ loại. *Mày* là đại từ, vậy nó là đề.

Mày / *học chăm thể* / *mà thi trượt* // *thì vô lí.*

đ3 t3

Bước 3: Sau khi phân tích hết các bậc đề - thuyết, ta sẽ kết luận về kiểu câu. Có ba bước nhỏ:

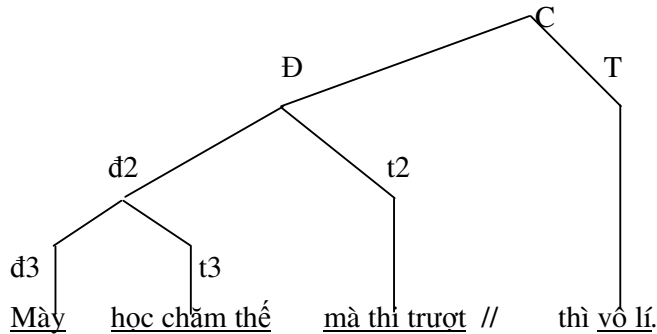
- Nhìn cấu trúc đề - thuyết cuối cùng để xác định đây là câu đơn hay câu ghép (một cấu trúc đề - thuyết là câu đơn, hai cấu trúc đề - thuyết trở lên là câu ghép).

- Đếm số lượng các bậc đề - thuyết để kết luận đây là câu mấy bậc đề - thuyết.

- Xem các bậc đề - thuyết nhỏ nằm ở đâu. Nếu chúng nằm ở phần đề, ta kết luận là câu đơn/ ghép; 1 / 2 / 3... bậc đề thuyết, phát triển phần đề. Nếu chúng nằm ở phần thuyết, ta kết luận là câu đơn/ ghép; 1 / 2 / 3... bậc đề - thuyết, phát triển phần thuyết. Nếu chúng nằm ở cả đề và thuyết, ta kết luận là câu đơn/ ghép; 1 / 2 / 3... bậc đề - thuyết phát triển cả phần đề và thuyết.

VD: Câu trên đến bậc phân tích cuối cùng ta được một cấu trúc đề - thuyết. Vậy đây là câu đơn. Đếm số lượng các bậc đề - thuyết trong toàn câu, ta được ba bậc. Vậy đây là câu đơn ba bậc đề - thuyết. Tất cả các bậc đề - thuyết nhỏ đều nằm trong phần đề lớn. Kết luận cuối cùng là đây là *câu đơn ba bậc đề - thuyết phát triển phần đề*.

Khi thể hiện câu này bằng sơ đồ, ta thao tác ngược lại với quy trình phân tích trên. Tức là ta sẽ vẽ bậc thứ ba trước, rồi đến bậc thứ hai. Lưu ý, các đề, thuyết cùng bậc sẽ được vẽ trên cùng một đường thẳng. Có thể dùng các chữ số bên cạnh chữ cái (đ hoặc t) để đánh dấu bậc. Ví dụ:



Việc phân tích câu theo mô hình sẽ dẫn tới việc phân loại câu. Về việc phân chia câu (đơn, phức, ghép), Cao Xuân Hạo đưa ra những luận điểm sau:

- Gạt ra ngoài tiêu chuẩn phân loại câu theo cấu trúc cú pháp hiện tượng các định ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ trong câu có sự thay đổi về cấu trúc từ *ngữ* thành *tiểu cú*.

- Chỉ quan tâm đến sự thay đổi cấu trúc từ *ngữ* thành *tiểu cú* của các thành phần chính của câu: đề và thuyết bậc 1.

- Khi đề hoặc thuyết bậc 1 do một cấu trúc đề - thuyết bậc 2 (tiểu cú) cấu tạo, ta có câu hai bậc. Khi tiểu cú bậc 2 làm đề hoặc làm thuyết lại do một tiểu cú bậc 3 cấu tạo, ta có câu ba bậc. Và cứ thế tiếp tục đến câu n bậc.

- Từ câu hai bậc trở lên, có thể gọi là *câu nhiều bậc* hay gọi là *câu phức*, nếu muốn.

[4, tr87]

Luận điểm thứ nhất của Cao Xuân Hạo vô hình trung khiến chúng ta khó phân tích sâu những trường hợp định ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ trong câu có cấu tạo tiểu cú (bao gồm một đề - thuyết nhỏ). Những câu này xuất hiện không ít trong cuộc sống, trong sách vở. Chúng tôi không muốn bỏ qua chúng.

Quan điểm của chúng tôi là về mặt cấu tạo, căn cứ vào số lượng cấu trúc đề - thuyết trong bước phân chia cuối cùng, câu tiếng Việt được chia làm hai loại chính: câu đơn và câu ghép. Ngoài ra còn có câu đặc biệt và câu tỉnh lược. Ví dụ:

- (1) Chi ấy là sinh viên.
Đ T

- (2) Bài hát này lời rất hay.

Đ T

- (3) Trời thì tối mà đường thì xa.

Đ T Đ T

- (4) Ái chà!

- (5) Máy bay.

Câu (1) là câu đơn. Câu (2), nếu xét theo ngữ pháp truyền thống, là câu phức thành phần bổ ngữ; nếu xét theo cấu trúc đề - thuyết thì là câu đơn (thuộc vào nhóm câu đơn hai bậc đề - thuyết). Câu (3) là câu ghép. Câu (4) là câu đặc biệt vì không phản ánh một mệnh đề, không có cấu trúc đề thuyết. Câu (5) theo ngữ pháp truyền thống là câu đặc biệt, còn theo ngữ pháp chức năng là câu tỉnh lược.

Vậy câu đơn là câu mà ở bậc phân tích cuối cùng, ta được một cấu trúc đề - thuyết. Còn câu ghép là câu mà ở bậc phân tích cuối cùng, ta được hai cấu trúc đề - thuyết trở lên. Theo chúng tôi, các câu ghép đẳng lập (theo cấu trúc C-V) sẽ tương ứng với câu ghép theo cấu trúc Đ-T. Còn các câu ghép chính phụ (theo cấu trúc C-V) thì về phụ luôn luôn được coi là phần đề, là xuất phát điểm của câu nói, cho nên loại này khi phân tích đến bậc cuối cùng, sẽ thuộc câu đơn (của cấu trúc Đ-T), và sẽ là câu đơn có ít nhất 2 bậc đề - thuyết.

Xét 2 ví dụ:

- (1) Mẹ tôi là giáo viên, cha tôi là bác sĩ.

(2) Nếu anh không xin lỗi thì tôi sẽ không tha thứ.

Theo cấu trúc C-V:

Mẹ tôi // là giáo viên, cha tôi // là bác sĩ.
C V C V

=> Câu ghép

Theo cấu trúc Đ-T:

Mẹ tôi // là giáo viên, cha tôi // là bác sĩ
Đ T Đ T

. => Câu ghép

Theo cấu trúc C-V:

(Nếu) anh // không xin lỗi (thì) tôi // sẽ
C V C

không tha thứ. => Câu ghép

V

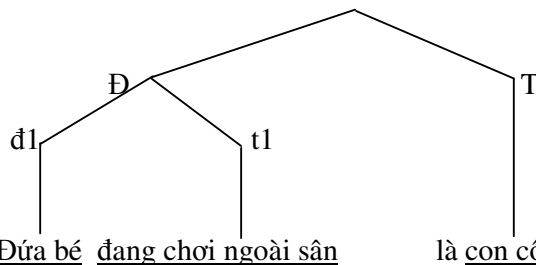
Theo cấu trúc Đ-T:

Nếu anh không xin lỗi // thì tôi sẽ không
tha thứ.

Đ T Đ T
Đ T

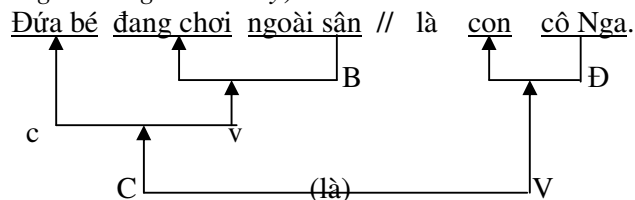
=> Câu này là câu đơn 2 bậc đề thuyết.

Với cấu trúc đề - thuyết, ta có: C



Đây là câu đơn hai bậc đề - thuyết phát triển phân đề. Và mọi người đều phân tích theo cách này.

Với cấu trúc chủ - vị, ta bắt buộc phải xác định quan hệ ngữ pháp giữa đứa bé với đang chơi ngoài sân. Đây là quan hệ chính phụ, đang chơi ngoài sân là định ngữ của đứa bé (ta có thể thêm từ ấy vào cuối ngữ đoạn đang xét để nhận diện quan hệ này: đứa bé đang chơi ngoài sân ấy). Theo kinh



Mô hình này đưa đến kết luận đây là câu phức thành phần chủ ngữ.

2. Những ưu, nhược điểm của phương pháp phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết

Ưu điểm

- Cấu trúc đề - thuyết phản ánh được vấn đề thông tin của câu, trong đó, phần thuyết là phần chứa đựng nội dung thông tin mới.

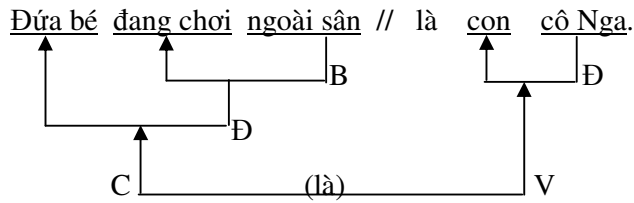
- Căn cứ xác định đề - thuyết là dựa vào các tác tử *thì, là, mà*: chỗ nào chen được các tác tử này thì chỗ đó là ranh giới phân chia đề - thuyết. Thao tác này tương đối đơn giản. Do vậy, việc phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết nhìn chung là dễ thực hiện.

Chúng tôi xin phân tích một ví dụ cụ thể để minh chứng cho ưu điểm này: *Đứa bé đang chơi ngoài sân là con cô Nga*. Chúng tôi sẽ phân tích theo hai mô hình: chủ - vị và đề - thuyết.

nhịệm của chúng tôi, có không ít sinh viên cho rằng quan hệ giữa hai thành tố này là quan hệ chủ - vị (bởi quan hệ giữa danh từ và cụm động từ thường là quan hệ chủ - vị). Nếu xác định như vậy, sinh viên sẽ nhầm mô hình câu. Đây là câu đơn, không phải câu phức thành phần chủ ngữ.

Sẽ có những sinh viên phân tích như sau, đây là **cách phân tích sai**:

Cách phân tích đúng như sau:



Đây là câu đơn.

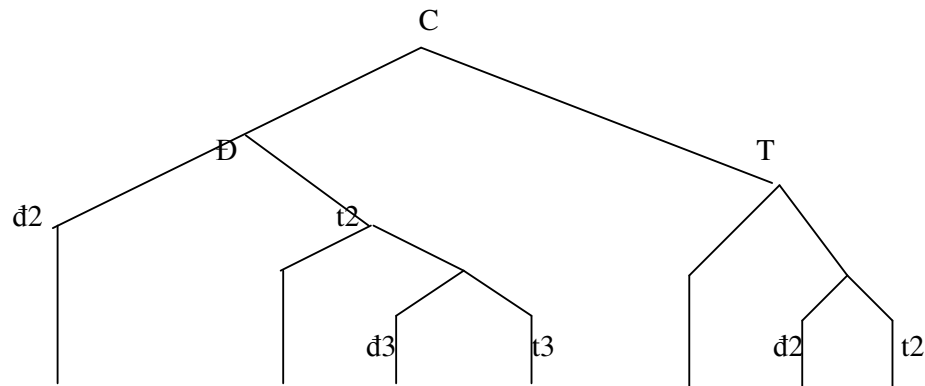
Nhược điểm

- So với phương pháp phân tích câu theo cấu trúc chủ - vị thì phương pháp phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết ra đời muộn hơn, do vậy, những vấn đề lí luận về phương pháp này chưa nhiều, các thành phần chỉ được phân tích sơ bộ chứ không được phân tích thật chi tiết. Các kiểu câu theo cấu trúc này cũng mới chỉ được Cao Xuân Hạo và Đào Thanh Lan trình bày khái quát. Đào Thanh Lan có phân tích sâu hơn về cấu tạo của từng thành phần, đặc biệt là phần thuyết (VD trong câu: “*Tiếng động làm Tâm giật mình.*” thì “*làm*” là trung tâm

của thuyết), nhưng theo chúng tôi, vẫn còn rất nhiều điểm chưa được làm sáng tỏ. Chẳng hạn trong ví dụ sau:

“*Những người đàn ông mà được nhiều người thích thì sẽ khiến phụ nữ lo lắng.*”

Nếu phân tích một cách khái quát thì không khó, vì câu này đã chứa sẵn các tác tử *thì* và *mà*; nhưng nếu phải phân tích chi tiết từng thành phần thì vấn đề lại rất phức tạp. Chúng tôi đưa ra một mô hình như sau:

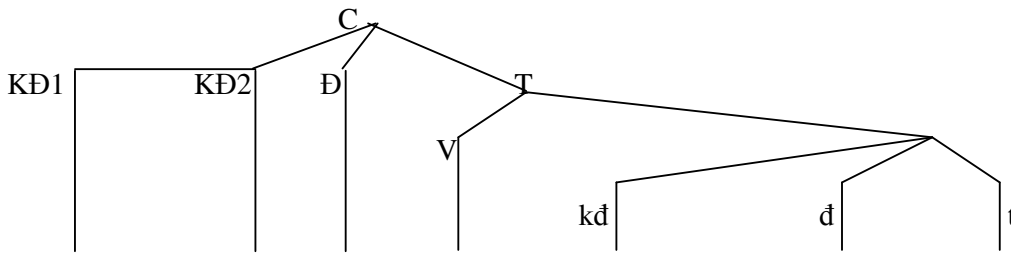


Những người đàn ông mà được nhiều người thích thì sẽ khiến phụ nữ lo lắng.

Theo sơ đồ này thì đây là câu đơn ba bậc đề - thuyết phát triển cả phần đề và phần thuyết. Có một số đỉnh chúng tôi rất băn khoăn, không biết ghi tên thành phần là gì (có lẽ là vị từ trung tâm và bổ ngữ chăng? -

Cao Xuân Hạo gọt ra ngoài trường hợp bổ ngữ có cấu tạo từ một tiêu cú như thế này).

Có những trường hợp có thể vẽ được sơ đồ nhưng gọi tên kiểu câu thì lại rất khó. Chẳng hạn:



Ở đảo xa xôi, nơi đây, tôi ước sao có một ngày người thương tôi sẽ tới.

- Những câu chúng tôi mang ra làm ví dụ để phân tích ở đây được lấy rất nhiều trong hội thoại hàng ngày. Quả thực trong hội thoại, các phát ngôn chứa rất nhiều các tác tử *thì, là, mà...*, do vậy, việc phân tích khá đơn giản. Còn trong các văn bản văn học, nhất là các văn bản khoa học thì các từ “râu ria” này sẽ ít hoặc không xuất hiện. Về mặt lí thuyết, chúng ta có thể thêm các từ này vào để làm ranh giới phân chia đề - thuyết, song việc làm này mang tính chất cảm tính. Việc xác định phân đề, phân thuyết lệ thuộc rất nhiều vào ngữ cảnh. Ví dụ, câu sau đây có thể chen *thì* ở bốn vị trí khác nhau: *Nam nhìn thấy Minh chết*. Cụ thể là:

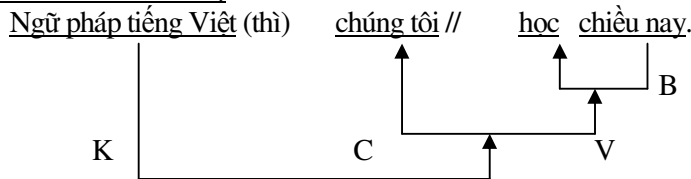
- + Nam *thì* nhìn thấy Minh chết.
- + Nam nhìn *thì* thấy Minh chết.
- + Nam nhìn thấy *thì* Minh chết.
- + Nam nhìn thấy Minh *thì* chết.

Nguyễn Văn Hiệp cho đây là ưu điểm [5, tr50]. Chúng tôi thiết nghĩ đây vừa là ưu điểm vừa là nhược điểm.

Thêm vào đó, trong những câu có chứa cả *thì* và *là*, ranh giới xác định đề - thuyết có lúc dựa vào *thì*, có lúc dựa vào *là*. Lại còn có trường hợp *thì, là* đứng đầu câu (VD: *Là tôi nói vậy thôi; Thì cứ biết thế.*), việc phân tích không hề đơn giản.

- Dù sao, phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết vẫn là một phương pháp mới, chưa

Theo cấu trúc chủ - vị:



quen thuộc với người học, do vậy, thông thường người học hay suy từ cấu trúc chủ - vị sang cấu trúc đề - thuyết. Như vậy, cách phân tích này dường như bị lệ thuộc vào lối phân tích chủ - vị. Thời lượng dành cho kiểu phân tích này ở trường Đại học Sư phạm không nhiều, do vậy, sinh viên cảm thấy *khó* nhiều hơn là cảm thấy *thích* nó. Theo một điều tra của chúng tôi, 16,6% người được hỏi cho rằng đây là phương pháp khó nhất trong 4 phương pháp phân tích câu (*chủ - vị, đề - thuyết, nêu - báo, vị từ - tham thế*) và chỉ có 0,2% người được hỏi thích cấu trúc này.

3. So sánh cấu trúc đề - thuyết với cấu trúc chủ - vị

Khá nhiều trường hợp trong tiếng Việt, phân đề trùng với chủ ngữ và phân thuyết trùng với vị ngữ. Ví dụ:

Tôi // thì thích cái bút này.

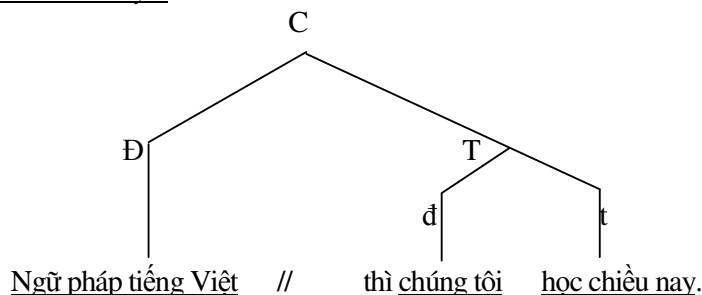
Theo cấu trúc C-V: C V
Theo cấu trúc Đ-T: Đ T.

Song giữa hai cấu trúc không phải lúc nào cũng có sự tương ứng như vậy. Xét ba ví dụ:

- (a) Ngữ pháp tiếng Việt thì chúng tôi học chiều nay.
- (b) Nếu là chim, tôi sẽ là loài bò câu trắng.
- (c) Cô ấy đẹp đến thế là cùng.

-> Đây là câu đơn.

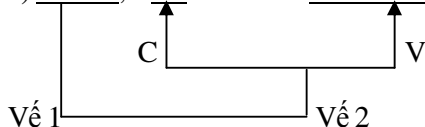
Theo cấu trúc đề - thuyết:



-> Đây là câu đơn hai bậc đề - thuyết.

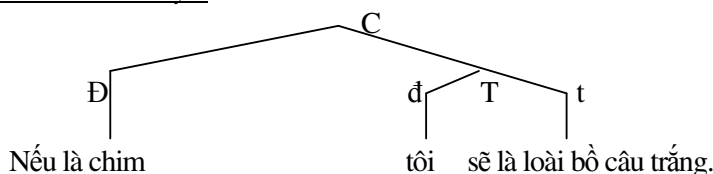
Theo cấu trúc chủ - vị:

(Nếu) là chim, tôi // sẽ là loài bò câu trắng.



-> Đây là câu ghép có vế 1 tình lược chủ ngữ.

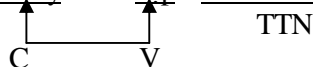
Theo cấu trúc đề - thuyết:



-> Đây là câu đơn hai bậc đề thuyết.

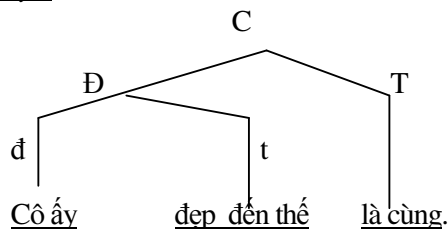
Theo cấu trúc đề - thuyết

(*) Cô ấy // đẹp đến thế là cùng.



-> Đây là câu đơn.

Theo cấu trúc đề - thuyết



-> Đây là câu đơn hai bậc đề thuyết phát triển phần đề.

Qua ba ví dụ này ta thấy:

- Ví dụ (a): khởi ngữ trong cấu trúc chủ - vị trùng với phần đề trong cấu trúc đề - thuyết.

- Ví dụ (b): vế phụ của câu ghép chính phụ trong cấu trúc chủ - vị trùng với phần đề trong cấu trúc đề - thuyết.

- Ví dụ (c): thành phần tình thái ngữ trong cấu trúc chủ - vị trùng với phần đề trong cấu trúc đề - thuyết.

Dưới đây là một bảng đối chiếu cụ thể.

BẢNG SO SÁNH CẤU TRÚC ĐỀ - THUYẾT VỚI CẤU TRÚC CHỦ - VỊ

| | CẤU TRÚC CHỦ - VỊ | CẤU TRÚC ĐỀ - THUYẾT |
|--|--|---|
| <i>Phạm vi ngữ nghĩa</i> | Chủ ngữ hẹp hơn phần đề và vị ngữ hẹp hơn phần thuyết. | Phần đề rộng hơn chủ ngữ. Phần thuyết rộng hơn vị ngữ ¹⁾ . |
| <i>Mối quan hệ giữa hai thành phần chính trong câu</i> | Quan hệ giữa chủ ngữ với vị ngữ tương đối chặt. | Quan hệ giữa đề với thuyết tương đối lỏng ²⁾ . |
| <i>Sự tương ứng của một số thành phần câu</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Khởi ngữ - Trạng ngữ - Vị ngữ phụ - Vế phụ của câu ghép chính phụ - Tình thái ngữ - Liên ngữ - Hồ ngữ - Phụ chú ngữ³⁾ | <ul style="list-style-type: none"> - Tương ứng với phần đề - Tương ứng với chủ ngữ - Tương ứng với mệnh xác ngữ - Tương ứng với phần đề - Đề tình thái (siêu đề) hoặc thuyết tình thái (thuyết giả). - Đề tình thái (siêu đề). - Vế câu than gọi - Vế câu phụ chú |
| <i>Sự tương ứng của các kiểu câu</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Câu đơn - Câu phức - Câu ghép đẳng lập - Câu ghép chính phụ | <ul style="list-style-type: none"> - Tương ứng với câu đơn 1 bậc Đ-T. - Tương ứng với câu đơn 2 bậc Đ-T trở lên. - Tương ứng với câu đơn 2 bậc Đ-T trở lên. - Tương ứng với câu ghép. |
| <i>Ưu, nhược điểm chính</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Dễ đối với quy trình phân tích câu (phân tích văn bản) nhưng khó đối với quy trình xây dựng câu (tạo lập văn bản).⁴⁾ - Có thể phân tích đến cạn kiệt tất cả các thành phần. - Không quan tâm tới vấn đề thông tin của câu⁵⁾. | <ul style="list-style-type: none"> - Dễ đối với quy trình xây dựng câu (tạo lập văn bản) nhưng khó đối với quy trình phân tích câu (phân tích văn bản). - Không thể phân tích cạn kiệt tất cả các thành phần. - Quan tâm tới vấn đề thông tin của câu. (Thông tin mới nằm ở phần thuyết). |
| <i>Mối quan hệ với ngữ cảnh</i> | - Ít phụ thuộc vào ngữ cảnh. Cấu trúc C-V luôn được phân tích giống nhau ở mọi ngữ cảnh. | - Phụ thuộc khá chặt vào ngữ cảnh. -> Trong các ngữ cảnh khác nhau, một phát ngôn có thể có phần Đ và T khác nhau. |

¹⁾ Từ một chủ ngữ có thể suy ra một số ít vị ngữ. Từ một phần đề có thể suy ra rất nhiều phần thuyết. Bất kỳ từ loại nào cũng có thể làm đề hoặc thuyết (kể cả các tình thái từ, quán ngữ tình thái). Song chỉ có một số ít từ loại làm được chủ ngữ hoặc vị ngữ.

²⁾ Cao Xuân Hạo khẳng định: “Khác với chủ ngữ, chủ đề không bị gắn chặt vào vị ngữ về ngữ pháp và ngữ nghĩa. Nó không cần là một thành viên trong cấu trúc tham tổ cố định của động từ. Nó chỉ cần không có những mối liên hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa phi lí với thuyết”. [3, tr90]

³⁾ Nhìn chung, chủ ngữ tương ứng với phần đề, vị ngữ tương ứng với phần thuyết nhưng không nhất loạt. Trong khi sự tương ứng của tám thành phần kể trên giữa cấu trúc Đ-T và cấu trúc C-V có thể xem là nhất loạt đối với mọi trường hợp.

⁴⁾ Một thực nghiệm cho thấy nếu dạy cho học sinh cấu trúc đề - thuyết, học sinh tiếp nhận văn bản rất tốt, nhưng xây dựng văn bản kém; ngược lại, nếu dạy cho học sinh cấu trúc chủ - vị thì học sinh tiếp nhận văn bản kém nhưng khả năng xây dựng văn bản lại tốt.

⁵⁾ Xét câu sau: (Họ gặp nhau lần cuối ở đâu?)

- Họ gặp nhau lần cuối ở kí túc xá.

Thông tin chính trong câu trả lời là (ở) kí túc xá. Theo cấu trúc đề - thuyết, (ở) kí túc xá là phần thuyết. Căn cứ xác định: có thể thêm lúc: Họ gặp nhau lần cuối ở kí túc xá. Trong khi, với cấu trúc chủ - vị, ở kí túc xá chỉ là bổ ngữ.

Chúng tôi tán thành quan điểm của Diệp Quang Ban, rằng *chỗ khác nhau giữa quan hệ chủ vị và quan hệ đề - thuyết xét ở phương diện công dụng trong đời sống ngôn ngữ, là ở chỗ quan hệ chủ - vị bám chắc hơn vào mối liên hệ ý nghĩa giữa các thành tố trực tiếp trong cấu tạo câu, và do đó làm thành cấu trúc hình thức của câu. Còn quan hệ đề - thuyết thì bám chắc hơn vào nhiệm vụ diễn đạt trong tình huống dùng câu. Do vậy, đặt ngữ pháp đề - thuyết vào thế cạnh tranh một mất một còn với ngữ pháp chủ - vị là không thoả đáng.* [1]

3. Kết luận

(1) Ưu điểm chính của *phương pháp phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết* là phản ánh được vấn đề thông tin của câu, trong đó, phần thuyết là phần chứa đựng nội dung thông tin mới. Tuy nhiên, nhược điểm cơ bản của cấu trúc này là nếu học theo cấu trúc đề - thuyết, người học khó xây dựng được những câu đúng ngữ pháp.

(2) Phân tích câu theo cấu trúc đề - thuyết không loại trừ, mâu thuẫn với cách phân tích câu theo cấu trúc chủ - vị. Mỗi cách phân tích sẽ có những điểm mạnh, điểm yếu riêng. Nếu biết phân tích câu theo cả hai cách, ta sẽ hiểu sâu hơn về câu tiếng Việt.

(3) Vì mỗi phương pháp phân tích câu là một kiểu riêng, tồn tại độc lập đối với nhau nên có thể diễn ra tình trạng độ dễ hay khó không đồng đều đối với từng kiểu phân tích. Thông thường, đối với các câu trong hội thoại hàng ngày thì phân tích theo cấu trúc đề - thuyết dễ hơn. Còn các câu trong các văn bản nói chung thì phân tích theo cấu trúc chủ - vị dễ hơn.

Kí hiệu viết tắt:

Trong cấu trúc chủ vị:

- C: chủ ngữ
- V: vị ngữ
- Đ: định ngữ
- B: bổ ngữ

K: khởi ngữ (đề ngữ)

TTN: tình thái ngữ

Trong cấu trúc đề thuyết:

- Đ: đề
- T: thuyết
- KĐ: khung đề
- MXN: minh xác ngữ

Tài liệu tham khảo

1. Diệp Quang Ban (1992), *Bàn góp về quan hệ chủ - vị và quan hệ đề - thuyết*, Ngôn ngữ (9).
2. Nguyễn Thị Kim Dung (2009), *Tìm hiểu phương pháp phân tích câu tiếng Việt theo cấu trúc đề - thuyết*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, trường Đại học Sư phạm HN 2.
3. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng* Tập 1, NXB KHXH, Tp Hồ Chí Minh.
4. Cao Xuân Hạo (chủ biên), Hoàng Xuân Tâm, Nguyễn Văn Bằng, Bùi Tất Tươi (1999), *Câu trong tiếng Việt*, NXB GD, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Về một số giải pháp miêu tả bình diện kết học của câu*, Ngôn ngữ (11).
6. Đào Thanh Lan (2002), *Phân tích câu đơn tiếng Việt theo cấu trúc đề - thuyết*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-08-2009)

HỘP THƯ

Trong tháng 1+2/2010, **NN & ĐS** đã nhận được thư, bài của các bạn: Trần Bích Lan, Đặng Nhã Văn, Mông Lâm (Trung Quốc), Nguyễn Văn Phúc, Đào Tiến Thi, Trần Kim Phượng, Trịnh Cẩm Lan (Hà Nội); Bùi Vũ Liêm (Thanh Hoá); Trần Thị Lam Thủy, Nguyễn Thị Thuý Anh (Nghệ An); Minh Ngọc (Đà Nẵng); Trần Thị Minh Thương (Sóc Trăng).

Toà soạn **NN & ĐS** xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS